

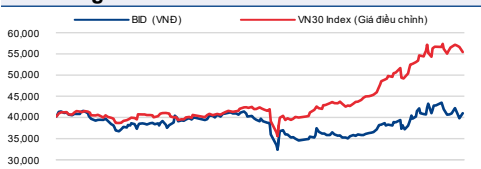
Tăng tỷ trọng (giữ nguyên)

Giá mục tiêu: VNĐ43,900 (từ VNĐ42,500)

Tiềm năng tăng/giảm: 7.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/9/2025)	40,850
Mã Bloomberg	BID VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	32,450-43,500
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	40,550
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	281,742
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	10,666
Slg CP lưu hành (tr.đv)	6,897
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,069
Slg CP NN được mua (tr.đv)	877
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.3%
Tỷ lệ freefloat	4.01%
Cổ đông lớn	Ngân hàng Nhà nước (81.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá

Giá cổ phiếu (%)	-1 thg	-3 thg	-12 thg
Cổ phiếu thường	(5.55)	13.9	1.50
So với chỉ số	(5.93)	(9.40)	(26.4)
So với ngành	-	-	-

Nguồn: Công ty, FactSet

HSC và trung bình thị trường

EPS ĐC (đồng)	HSC	Thị trường	% ch.lệch
2025F	3,387	3,556	(4.7)
2026F	3,959	4,073	(2.8)
2027F	4,594	4,591	0.1

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là ngân hàng thương mại lớn nhất tại Việt Nam xét trên quy mô tổng tài sản.

Chuyên viên phân tích**Lê Khánh Tùng**

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Nền tảng cơ bản vững chắc nhưng thiếu động lực ngắn hạn; duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng

- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng cho BID nhưng tăng 3% giá mục tiêu lên 43.900đ/cp sau khi điều chỉnh giả định định giá (hạ giả định beta).
- Chúng tôi gần như giữ nguyên dự báo lợi nhuận với lợi nhuận thuần tăng trưởng trung bình 15,3% trong 3 năm tới và hệ số ROE bình quân đạt 17,4%.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 14% trong 3 tháng qua, BID đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,53 lần, thấp hơn 1,2 độ lệch chuẩn so với bình quân 5 năm ở mức 1,85 lần và cao hơn một chút so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,42 lần. Tại giá mục tiêu của chúng tôi, tiềm năng tăng giá là 7,5% và P/B dự phóng năm 2025 và 2026 lần lượt ở mức 1,83 lần và 1,57 lần.

Sự kiện: Phân tích triển vọng

Do KQKD 6 tháng đầu năm 2025 cũng như diễn biến các yếu tố định hình triển vọng 6 tháng cuối năm 2025 sát với dự báo, chúng tôi giữ nguyên dự báo hiện tại.

Đối với kế hoạch tăng vốn, HSC giữ nguyên giả định Ngân hàng sẽ phát hành thêm cổ phiếu với tỷ lệ lần lượt là 1% và 1,8% trong năm 2025 và 2026 để củng cố nền vốn.

Tác động: Giữ nguyên dự báo lợi nhuận giai đoạn 2025-2027

HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận cho giai đoạn 2025-2027, tương đương tăng trưởng trung bình 15,3% trong 3 năm tới với hệ số ROE bình quân đạt 17,4%. Dự báo EPS của chúng tôi vẫn thấp hơn một chút so với dự báo của thị trường nhưng nếu loại ra các khoản khen thưởng & phúc lợi, dự báo của chúng tôi sẽ cao hơn một chút so với thị trường.

Định giá và khuyến nghị

Diễn biến giá cổ phiếu BID (tăng 14% trong 3 tháng vừa qua) kém tích cực hơn so với bình quân ngành (so với tăng 29% trong 3 tháng qua) do lợi nhuận khiêm tốn trong 6 tháng đầu năm 2025 & nỗ lực huy động vốn kém hiệu quả trong Q1/2025. BID đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,53 lần – thấp hơn 20% so với ngân hàng tương đồng nhất VCB (Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 70.200đ) (1,9 lần) và chỉ cao hơn một chút so với bình quân ngành ở mức 1,42 lần.

Mặc dù nền tảng cơ bản của BID vẫn vững chắc – bao gồm quy mô tài sản lớn nhất, danh mục cho vay đa dạng hóa và khả năng sinh lời ổn định sau tái cấu trúc – nhưng phần lớn đã được phản ánh vào giá. Động lực tăng giá chính vẫn là kế hoạch huy động vốn, mặc dù tiến độ đã chậm lại trong bối cảnh lãi suất tại Mỹ cao và những bất ổn thuế quan đang ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư. Chúng tôi tin rằng việc đẩy nhanh quá trình huy động vốn sẽ là cách hiệu quả nhất để BID giải phóng tiềm năng tăng giá.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 24/9.

Cuối năm: Tháng 12	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi thuần (nghìn tỷ đồng)	56.4	58.0	64.9	76.3	89.4
Tổng thu nhập HĐ (nghìn tỷ đồng)	73.3	81.1	84.6	97.7	113
LN thuần (nghìn tỷ đồng)	21.7	25.3	27.3	32.4	38.4
EPS (đồng)	3,151	3,663	3,908	4,502	5,186
DPS (đồng)	0	0	400	450	700
BVPS (đồng)	17,100	20,250	23,952	28,095	32,541
P/E (lần)	13.0	11.2	10.5	9.07	7.88
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0.98	1.10	1.71
P/B (lần)	2.39	2.02	1.71	1.45	1.26
Tăng trưởng EPS (%)	19.4	16.2	6.71	15.2	15.2
ROAE (%)	20.0	19.6	17.7	17.3	17.1

Ghi chú: Dấu ▲ ▼ thể hiện mức tăng giảm ít nhất 5%.
Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Triển vọng ngắn hạn thiếu hấp dẫn; khuyến nghị Tăng tỷ trọng

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với BID nhưng tăng 3% giá mục tiêu lên 43.900đ (tiềm năng tăng giá 7,5%) sau khi điều chỉnh một số giả định định giá. Chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận với tốc độ tăng trưởng trung bình 15,3% trong 3 năm tới với hệ số ROE bình quân đạt 17,4%. Sau khi giá cổ phiếu tăng 14% trong 3 tháng qua, BID đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,53 lần, cao hơn một chút so với bình quân nhóm NHTM tư nhân trong phạm vi phân tích của chúng tôi ở mức 1,42 lần và thấp hơn 20% so với VCB (1,9 lần). Mặc dù triển vọng lợi nhuận của BID vẫn nguyên vẹn nhưng các động lực tăng giá ngắn hạn của cổ phiếu có vẻ không nhiều do kế hoạch huy động vốn đã chậm lại trong bối cảnh mặt bằng lãi suất bất lợi kéo dài cùng tác động của chính sách thuế quan.

Tăng 3% giá mục tiêu sau khi điều chỉnh giả định định giá

HSC tăng 3% giá mục tiêu theo phương pháp thu nhập thặng dư lên 43.900đ, tương đương tiềm năng tăng giá 7,5%, sau khi hạ giả định beta xuống 0,95 (từ 1 trước đó) dựa trên số liệu mới cập nhật từ Bloomberg. Tại giá mục tiêu mới của chúng tôi, tiềm năng tăng giá là 7,5% và P/B dự phóng năm 2025 và 2026 lần lượt ở mức 1,83 lần và 1,57 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng cho BID.

Bảng 1: Mô hình định giá theo phương pháp thu nhập thặng dư, BID

Tỷ đồng	2025F	2026F	2027F	2028F	Năm kết thúc
Lợi nhuận thuần	23,703	28,490	34,053	39,195	45,274
- Chi phí vốn CSH	17,198	20,932	25,230	29,248	33,784
Lợi nhuận thặng dư	6,505	7,559	8,823	9,947	11,490
Giá trị dài hạn của lợi nhuận thặng dư					143,754
Chi phí vốn CSH tích lũy	1.00	1.12	1.26	1.42	1.59
Giá trị hiện tại	6,505	6,730	6,995	7,021	97,567
Giá trị của cổ phiếu theo phương pháp thu nhập thặng dư (đồng)	41,538	46,314			
Giá mục tiêu (đồng)	43,926				

Nguồn: BID, HSC

Bảng 2: Phân tích độ nhạy của giá mục tiêu đối với các giả định định giá chính (đồng), BID

		Phản bù rủi ro vốn CSH điều chỉnh				
		7.75%	8.25%	8.75%	9.25%	9.75%
Lãi suất phi rủi ro	3.0%	65,518	55,252	51,112	47,472	44,245
	3.5%	59,737	50,909	47,292	44,085	41,221
	4.0%	54,790	47,114	43,926	41,079	38,519
	4.5%	50,506	43,769	40,937	38,391	36,088
	5.0%	46,760	40,796	38,264	35,973	33,889

Nguồn: HSC

Bối cảnh định giá

Diễn biến giá cổ phiếu BID (tăng 14% trong 3 tháng vừa qua) kém tích cực hơn so với bình quân ngành (so với tăng 29% trong 3 tháng qua) do lợi nhuận khiêm tốn trong 6 tháng đầu năm 2025 & nỗ lực huy động vốn kém hiệu quả trong Q1/2025. BID đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,53 lần – thấp hơn 20% so với ngân hàng tương đồng nhất VCB (Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 70.200đ) (1,9 lần) và chỉ cao hơn một chút so với bình quân ngành ở mức 1,42 lần.

Mặc dù nền tảng cơ bản của BID vẫn vững chắc – bao gồm quy mô tài sản lớn nhất, danh mục cho vay đa dạng hóa và khả năng sinh lời ổn định sau tái cấu trúc – nhưng phần lớn đã được phản ánh vào giá. Động lực tăng giá chính vẫn là kế hoạch huy động vốn, mặc dù tiến độ đã chậm lại trong bối cảnh lãi suất tại Mỹ cao và những bất ổn thuế quan đang ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư. Chúng tôi tin rằng việc đẩy nhanh quá trình huy động vốn sẽ là cách hiệu quả nhất để BID giải phóng tiềm năng tăng giá.

Biểu đồ 3: P/B trượt dự phóng 1 năm, BID

BID đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,53 lần, thuộc vùng định giá thấp trong quá khứ...



Nguồn: BID, HSC dự báo

Biểu đồ 4: Độ lệch chuẩn so với giá trị P/B bình quân, BID

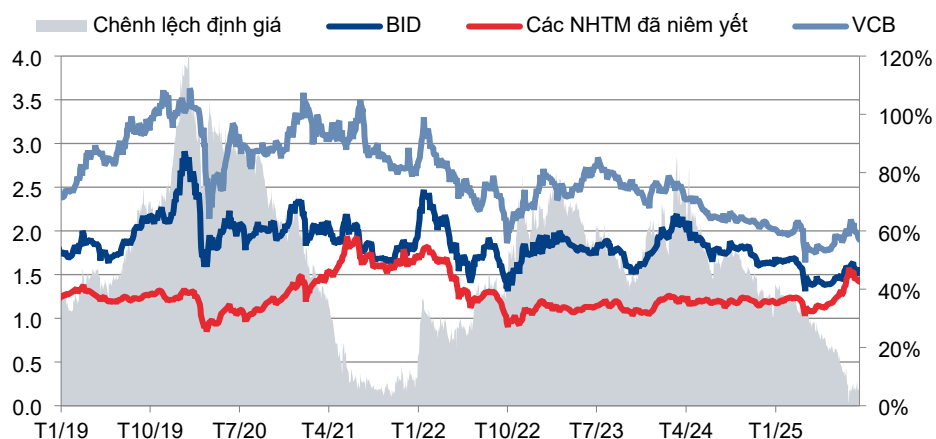
...và thấp hơn 1,2 độ lệch chuẩn so với giá trị bình quân 5 năm là 1,85 lần



Nguồn: BID, HSC dự báo

Bảng 5: P/B trượt dự phóng 1 năm quá khứ của BID so với bình quân nhóm NHTM đã niêm yết (3 năm qua)

Tại P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,53 lần, thấp hơn định giá của BID so với các NHTM niêm yết đã giảm đáng kể xuống 8% (từ 30% vào đầu năm 2025); trong khi đó, chênh lệch định giá của BID và VCB là 20% (1,9 lần)



Nguồn: BID, HSC dự báo

Dự báo lợi nhuận cùng các số liệu tài chính

Do KQKD 6 tháng đầu năm 2025 cũng như diễn biến các yếu tố định hình triển vọng 6 tháng cuối năm 2025 sát với dự báo, chúng tôi giữ nguyên dự báo hiện tại.

HSC dự báo LNTT 6 tháng cuối năm 2025 đạt 18.900 tỷ đồng (tăng 15% so với cùng kỳ) trong đó LNTT Q3 và Q4 đạt lần lượt 9.000 tỷ đồng (tăng 38% so với cùng kỳ và tăng 15% so với quý trước) và 9.900 tỷ đồng (đi ngang so với cùng kỳ nhưng tăng 10% so với quý trước), nhờ triển vọng thu nhập lãi thuần cải thiện và thu nhập khác tăng lên, chủ yếu đến từ thanh lý tài sản trong bối cảnh thị trường BĐS đang dần khởi sắc.

Bảng 6: Dự báo lợi nhuận, BID

Theo dự báo của chúng tôi, lợi nhuận thuần sẽ tăng trưởng với tốc độ CAGR giai đoạn 2024-2027 là 15,3%

Tỷ đồng	2024	2025F	2026F	2027F
Thu nhập lãi thuần	58,008	64,875	76,265	89,404
Tăng trưởng	2.9%	11.8%	17.6%	17.2%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	7,074	7,404	8,289	9,265
Tăng trưởng	7.7%	4.7%	11.9%	11.8%
Thu nhập ngoài lãi	23,053	19,750	21,457	23,584
Tăng trưởng	36.6%	-14.3%	8.6%	9.9%
Tổng thu nhập hoạt động (tỷ đồng)	81,061	84,624	97,722	112,987
Tăng trưởng	10.6%	4.4%	15.5%	15.6%
Chi phí hoạt động	(27,967)	(27,370)	(29,545)	(32,256)
Tăng trưởng	11.5%	-2.1%	7.9%	9.2%
Chi phí dự phòng	(21,109)	(22,369)	(26,847)	(31,672)
Tăng trưởng	2.7%	6.0%	20.0%	18.0%
LNTT	31,985	34,886	41,329	49,059
Tăng trưởng	15.7%	9.1%	18.5%	18.7%
Lợi nhuận thuần	24,661	27,349	32,391	38,442
Tăng trưởng	13.5%	10.9%	18.4%	18.7%

Nguồn: BID, HSC dự báo

Bảng 7: Các giả định quan trọng, BID

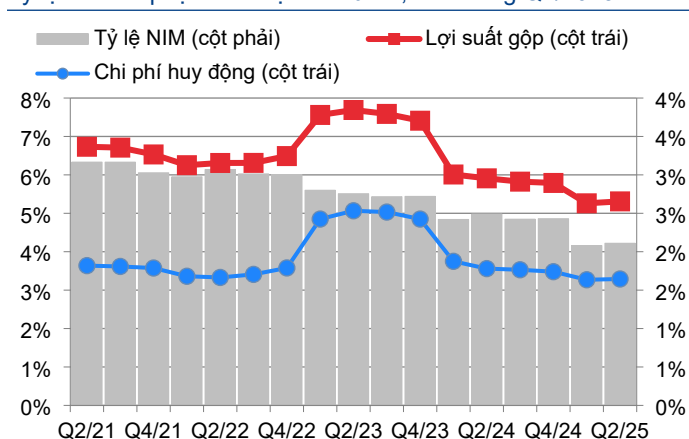
Chúng tôi dự báo tăng trưởng tín dụng sẽ duy trì ở mức cao trong khi đà phục hồi của tỷ lệ NIM và tốc độ giảm nợ xấu sẽ chậm lại

	2024	2025F	2026F	2027F
Tăng trưởng cho vay	15.7%	15.0%	14.0%	13.0%
Tăng trưởng tiền gửi	14.6%	14.0%	14.0%	13.0%
Tỷ lệ NIM	2.43%	2.36%	2.46%	2.57%
Tỷ lệ nợ xấu	1.41%	1.40%	1.20%	1.10%
Chi phí tín dụng	1.10%	1.01%	1.06%	1.10%
Nợ xấu mới hình thành	1.67%	0.98%	1.87%	1.10%

Nguồn: BID, HSC dự báo

Biểu đồ 8: Tỷ lệ NIM, BID

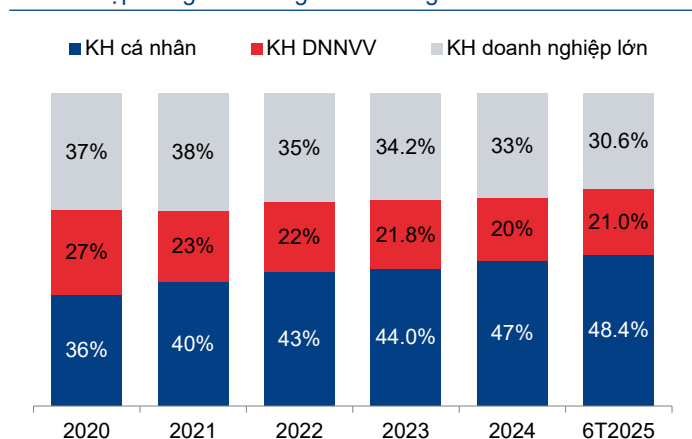
Tỷ lệ NIM đã phục hồi nhẹ lên mức 2,11% trong Q2/2025



Nguồn: BID, HSC

Biểu đồ 9: Cơ cấu các khoản cho vay, BID

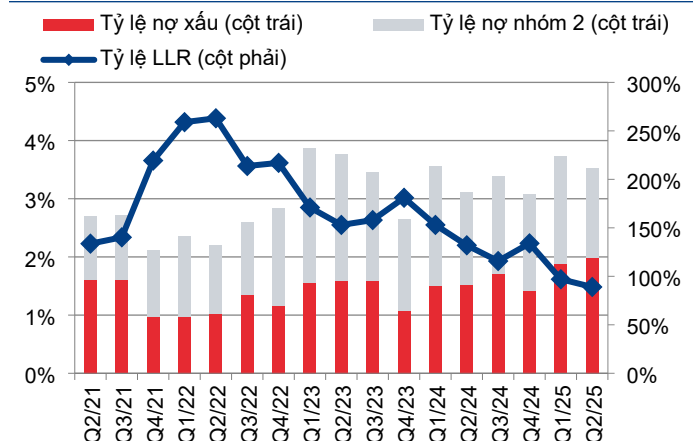
BID vẫn tập trung vào mảng khách hàng cá nhân



Nguồn: BID, HSC

Biểu đồ 10: Các chỉ số về chất lượng tài sản, BID

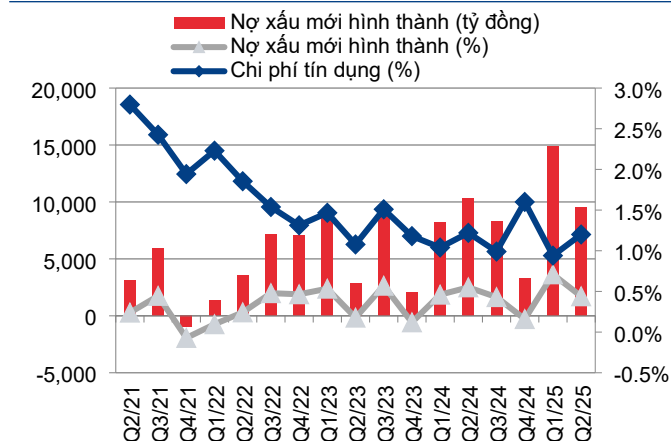
Nợ xấu của BID đã tăng lên 1,98% trong Q2/2025...



Nguồn: BID, HSC

Biểu đồ 11: Nợ xấu mới hình thành và chi phí tín dụng, BID

... nhưng nợ xấu mới hình thành ở mức vừa phải



Nguồn: BID, HSC

Bảng 12: Thông tin về đợt phát hành riêng lẻ của BID

	2025	2026F	2027F
Số lượng cổ phiếu phát hành (triệu)	200.0	195.9	239.2
Tỷ lệ sở hữu	2.79%	2.84%	3.37%
Số tiền thu được (tỷ đồng)	7,761	7,835	9,806
Tỷ lệ CAR dự kiến cuối năm	9.35%	10.23%	11.05%

Nguồn: BID, HSC dự báo

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	153	138	156	183	214
Chi phí lãi	(96.6)	(80.3)	(90.6)	(106)	(124)
Thu nhập lãi thuần	56.4	58.0	64.9	76.3	89.4
Lãi thuần HĐ dịch vụ	6.57	7.07	7.40	8.29	9.27
Lãi thuần HĐ KDNH	4.71	5.36	6.00	6.49	7.00
Lãi/lỗ từ mua bán CK	3.18	5.18	0.71	0.64	0.68
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.35	0.45	0.49	0.54	0.59
Thu nhập khác	2.08	4.99	5.14	5.50	6.04
Tổng thu nhập HĐ	73.3	81.1	84.6	97.7	113
Chi phí HĐ	(25.1)	(28.0)	(27.4)	(29.5)	(32.3)
LN trước dự phòng	48.2	53.1	57.3	68.2	80.7
Chi phí dự phòng	(20.6)	(21.1)	(22.4)	(26.8)	(31.7)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	27.6	32.0	34.9	41.3	49.1
Chi phí thuế TNDN	(5.61)	(6.26)	(6.98)	(8.27)	(9.81)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.30)	(0.47)	(0.56)	(0.67)	(0.81)
Lợi nhuận thuần	21.7	25.3	27.3	32.4	38.4
EPS (đồng)	3,151	3,663	3,908	4,502	5,186
DPS (đồng)	0	0	400	450	700
Slg CP bình quân (triệu đv)	6,898	6,898	6,998	7,196	7,413
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	6,898	6,898	7,098	7,293	7,533
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	6,898	6,898	7,098	7,293	7,533

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	11.0	10.8	11.2	12.5	14.7
Tiền gửi tại NHNN	51.6	92.3	82.4	86.3	91.8
Tiền gửi tại các TCTD khác	212	280	286	291	297
Chứng khoán kinh doanh	6.97	12.7	13.6	14.7	16.0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0.67	0	0	0
Số dư cho vay thuần	1,737	2,018	2,328	2,657	3,005
Tổng dư nợ cho vay	1,778	2,056	2,364	2,696	3,046
Dự phòng rủi ro	(40.4)	(38.0)	(36.8)	(38.0)	(40.8)
Chứng khoán đầu tư	222	278	273	297	323
CK đầu tư sẵn sàng để bán	128	158	158	170	184
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	95.7	121	115	127	139
Dự phòng rủi ro	(0.90)	(1.20)	(0.38)	(0.35)	(0.33)
Đầu tư dài hạn	3.11	3.42	3.46	3.49	3.53
Tài sản cố định	11.1	12.1	12.7	13.4	14.0
Tài sản khác	45.5	52.9	52.9	52.9	52.9
Tổng tài sản	2,301	2,761	3,062	3,429	3,818
Nợ phải trả	2,178	2,616	2,887	3,218	3,573
Tiền gửi của NHNN	35.9	168	168	182	200
Tiền gửi của các TCTD khác	182	233	221	224	226
Tổng tiền gửi KH	1,704	1,953	2,227	2,538	2,868
Trái phiếu và CCTG	189	199	203	207	211
Nợ khác	53.5	50.5	55.5	55.5	55.5
Vốn chủ sở hữu	118	140	170	205	245
Vốn điều lệ	57.0	69.0	71.0	72.9	75.3
Thặng dư vốn cổ phần	15.4	15.4	21.1	27.0	34.4
Lợi nhuận giữ lại	33.6	36.2	58.4	80.7	106
Quỹ & vốn khác của CSH	11.7	18.7	19.6	24.3	29.8
Lợi ích cổ đông thiểu số	4.97	5.23	5.36	5.58	0.27
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	2,301	2,761	3,062	3,429	3,818
BVPS (đồng)	17,100	20,250	23,952	28,095	32,541

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	8.50	20.0	10.9	12.0	11.4
Tăng trưởng cho vay KH (%)	16.8	15.7	15.0	14.0	13.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	15.7	14.6	14.0	14.0	13.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	16.1	13.6	12.9	13.0	12.2
Tăng trưởng VCSH (%)	18.6	18.4	21.7	20.5	19.6
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	0.59	2.86	11.8	17.6	17.2
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	11.2	11.5	(2.13)	7.95	9.17
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	2.45	10.2	7.84	19.1	18.4
Tăng trưởng LNTT (%)	19.9	15.7	9.07	18.5	18.7
Tăng trưởng LN thuần (%)	19.5	16.2	8.26	18.4	18.7
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.31	3.20	2.91	3.01	3.12
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.13)	(1.11)	(0.94)	(0.91)	(0.89)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.0	94.5	94.2	95.6	95.9
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.51	2.69	2.73	3.06	3.43
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	18.1	20.5	21.5	24.8	28.5
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	13.0	11.2	10.5	9.07	7.88
P/B (lần)	2.39	2.02	1.71	1.45	1.26
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0.98	1.10	1.71
Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác					
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	29.7	31.2	32.3	33.1	34.0
ROAA (%)	0.98	1.00	0.94	1.00	1.06
ROAE (%)	20.0	19.6	17.7	17.3	17.1
Chi phí huy động BQ (%)	4.74	3.44	3.37	3.56	3.74
Lợi suất góp BQ (%)	7.29	5.78	5.67	5.88	6.15
Lợi suất thuần (%)	2.54	2.34	2.29	2.32	2.41
Tỷ lệ NIM (%)	2.69	2.43	2.36	2.46	2.57
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.97	8.73	8.75	8.48	8.20
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	77.0	71.6	76.7	78.0	79.1
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	14.1	19.7	14.6	13.5	12.7
Tỷ lệ CIR (%)	34.2	34.5	32.3	30.2	28.5
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	10.2	10.00	13.5
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.40	9.20	9.35	10.2	11.1
VCSH/Tổng TS (%)	5.13	5.06	5.55	5.98	6.42
Đòn bẩy vốn (lần)	19.5	19.8	18.0	16.7	15.6
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.26	1.41	1.40	2.15	2.05
Hệ số LLR (%)	181	131	111	65.7	65.3
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	104	105	106	106	106
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	8.78	9.77	8.35	7.53	6.83
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	77.3	74.5	77.2	78.6	79.8
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,198	1,234	1,271	1,309	1,348
Số lượng nhân viên	29,233	30,110	31,013	31,943	32,902

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn